

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2023/DS-ST

Ngày: 17-11-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thủy Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đăng Khoa.
2. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Phạm Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2023 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ngụy Xuân V, sinh năm: 1981;

Nơi ĐKKHKT: Số nhà A, đường T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà B, đường L, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1984;

2.2. Bà Trần Đặng Thanh T, sinh năm: 1985;

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

(Ông V có mặt; ông C vắng mặt; bà T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Ngụy Xuân V trình bày như sau:

Ông V có cho ông Nguyễn Văn C vay tiền 02 lần cụ thể như sau:

- Lần 01: ngày 19/11/2019, cho vay số tiền 220.000.000 đồng (Bằng chữ: hai trăm hai mươi triệu đồng), lãi suất 4%/tháng (trong đó gồm 1,66% lãi + 1,66% lãi vay huy động bên thứ ba + 0,66% phí thu hộ), thời hạn vay 03 tháng, mục đích vay là để ông C có vốn kinh doanh, có lập Hợp đồng vay tài sản được Văn phòng công chứng L công chứng số 11268, quyền số 12TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/11/2019. Ông V đã đưa đủ cho ông C số tiền 220.000.000 theo như hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 19/11/2019 đến ngày 19/5/2021, ông C đã trả cho ông V số tiền lãi là 128.000.000 đồng; chưa trả được tiền gốc cho ông V.

- Lần 02: ngày 11/5/2020, cho vay số tiền 100.000.000 đồng (Bằng chữ: một trăm triệu đồng), lãi suất 4%/tháng (trong đó gồm 1,66% lãi + 1,66% lãi vay huy động bên thứ ba + 0,66% phí thu hộ), thời hạn vay 01 tháng, mục đích vay là để tiêu dùng, có lập Hợp đồng vay tài sản được Văn phòng công chứng L công chứng số 3608, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/5/2020. Ông V đã đưa đủ cho ông C số tiền 100.000.000 theo như hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 11/5/2020 đến ngày 12/6/2021, ông C đã trả cho ông V số tiền lãi là 44.000.000 đồng; chưa trả được tiền gốc cho ông V.

Do cả 02 khoản vay đều đã quá hạn trả nợ, nhiều lần ông V yêu cầu ông C trả nợ nhưng đến nay ông C vẫn không trả tiền gốc vay và lãi suất cho ông V. Ông C vay tiền trong thời kỳ hôn nhân với bà Trần Đặng Thanh T nên ông V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau: buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Trần Đặng Thanh T có trách nhiệm liên đới trả cho ông V số tiền gốc vay tổng cộng là 320.000.000 đồng (Bằng chữ: ba trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi suất như sau:

- Đối với khoản vay ngày 19/11/2019: Tiền lãi tính từ ngày 19/5/2021 đến ngày 19/3/2023 là 23 tháng x 8.800.000 đồng/tháng = 202.400.000 đồng.

- Đối với khoản vay ngày 11/5/2020: Tiền lãi tính từ ngày 12/6/2021 đến ngày 12/3/2023 là 21 tháng x 4.000.000 đồng/tháng = 84.000.000 đồng.

- Đồng thời ông V yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi xét xử.

Ông V yêu cầu trả 01 lần ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Theo đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 15/8/2023, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân V trình bày như sau:

Ông V không yêu cầu bà Trần Đặng Thanh T là vợ của ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm liên đới cùng ông C trả nợ theo Hợp đồng vay tài sản ngày 19/11/2019 và Hợp đồng vay tài sản ngày 11/5/2020. Ông V xác định chỉ yêu cầu một mình ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm trả nợ cho ông V theo 02 hợp đồng vay trên.

Theo đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 16/10/2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân V trình bày như sau:

Ngày 19/11/2019, ông V có cho ông Nguyễn Văn C vay số tiền 200.000.000 đồng nhưng các bên có thỏa thuận trường hợp ông C không trả tiền của ông V như đã thỏa thuận thì ông C phải chịu thêm chi phí khởi kiện tại Tòa án là 20.000.000

đồng. Do đó, ông V và ông C đã lập Hợp đồng vay tài sản ngày 19/11/2019 công chứng tại Văn phòng công chứng L trong đó ghi số tiền vay là 220.000.000 đồng. Tại đơn khởi kiện, ông V đã yêu cầu ông C trả lại số tiền gốc là 220.000.000 đồng. Nay ông V thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông C trả cho ông V số tiền gốc là 200.000.000 đồng. Quá trình vay, ông C đã trả được cho ông V 17 tháng tiền lãi (từ ngày 19/11/2019 đến ngày 19/4/2021), mỗi tháng 8.000.000 đồng. Tổng cộng, ông C đã trả được cho ông V số tiền lãi là 136.000.000 đồng. Ông C không trả được cho ông V số tiền gốc nào. Khi cho vay các bên thỏa thuận lãi suất là 4%/tháng. Ông V nhận thấy lãi suất này vượt quá quy định của pháp luật nên nay ông V chỉ yêu cầu ông C trả lãi cho ông V với mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 là: lãi suất trong hạn (03 tháng từ ngày 19/11/2019 đến ngày 19/02/2020) là 20%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ông V đồng ý khấu trừ số tiền lãi mà ông C đã đóng vượt mức quy định của pháp luật vào tiền gốc. Ông V yêu cầu ông C tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn cho đến khi thanh toán xong khoản vay trên cho ông V.

Ngày 11/5/2020, ông V có cho ông Nguyễn Văn C vay tiếp số tiền 100.000.000 đồng và ông V đã giao đủ cho ông C số tiền 100.000.000 đồng. Giữa ông V và ông C đã lập Hợp đồng vay tài sản ngày 11/5/2020 công chứng tại Văn phòng công chứng L. Quá trình vay, ông C đã trả được cho ông V 12 tháng tiền lãi (từ ngày 11/5/2020 đến ngày 12/5/2021), mỗi tháng 4.000.000 đồng. Tổng cộng, ông C đã trả được cho ông V số tiền lãi là 48.000.000 đồng. Ông C không trả được cho ông V số tiền gốc nào. Khi cho vay các bên thỏa thuận lãi suất là 4%/tháng. Lãi suất này vượt quá quy định của pháp luật nên nay ông V chỉ yêu cầu ông C trả lãi cho ông V với mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 là: lãi suất trong hạn (01 tháng từ ngày 11/5/2020 đến ngày 11/6/2020) là 20%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ông V đồng ý khấu trừ số tiền lãi mà ông C đã đóng vượt mức quy định của pháp luật vào tiền gốc. Ông V yêu cầu ông C tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn cho đến khi thanh toán xong khoản vay trên cho ông V.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Do quen biết nhau nên ông C có vay tiền của ông V 02 lần cụ thể như sau:

- Lần 01: ngày 19/11/2019, ông C vay số tiền 220.000.000 đồng nhưng thực tế ông V chỉ giao cho ông C 200.000.000 đồng do các bên có thỏa thuận miệng trường hợp ông C không trả nợ đúng hạn thì ông V sử dụng 20.000.000 đồng vào chi phí cho việc khởi kiện. Hai bên có lập Hợp đồng vay tài sản và ông có ký tên; trong hợp đồng vay không ghi lãi suất nhưng các bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 4%/tháng.

- Lần 02: ngày 11/5/2020, ông C vay số tiền 100.000.000 đồng và ông V giao đủ số tiền 100.000.000 đồng. Ông C có ký tên vào Hợp đồng vay tài sản, trong hợp đồng vay không ghi lãi suất nhưng các bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 4%/tháng.

Về quá trình trả tiền gốc vay và lãi suất:

- Đối với khoản vay ngày 19/11/2019: ông C chưa trả gốc vay. Ông C có trả lãi suất đối với khoản vay này nhưng thời gian trả và trả số tiền cụ thể bao nhiêu thì ông C không nhớ. Ông C sẽ sao kê tài khoản Ngân hàng chứng minh việc ông C có trả lãi cho ông V nộp cho Tòa án. Bên cạnh việc trả lãi qua hình thức chuyển khoản thì ông C cũng có trả tiền mặt trực tiếp cho ông V nhưng không có giấy tờ gì chứng minh.

- Đối với khoản vay ngày 11/5/2020: ông C chưa trả gốc vay. Quá trình vay ông C cũng đã trả lãi suất cho ông V nhưng thời gian trả và trả số tiền cụ thể bao nhiêu thì ông C không nhớ. Ông C sẽ cung cấp cho Tòa án sau. Ông C sẽ sao kê tài khoản Ngân hàng chứng minh việc ông C có trả lãi cho ông V nộp cho Tòa án. Bên cạnh việc trả lãi qua hình thức chuyển khoản thì ông C cũng có trả tiền mặt trực tiếp cho ông V nhưng không có giấy tờ gì chứng minh.

- Khi trả tiền lãi suất cho ông V thì ông C trả lãi tách riêng từng khoản vay.

Nay ông C không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông V. Ông C sẽ có ý kiến về số tiền gốc vay, số tiền lãi suất còn nợ và nộp tài liệu chứng cứ chứng minh cho Tòa án sau.

Ông C xác định ông vay tiền của ông V không liên quan đến bà T nên ông sẽ tự nguyện chịu trách nhiệm trả nợ một mình, không yêu cầu bà T liên đới trả nợ.

* Tòa án đã ấn định cho ông C trong thời hạn 10 ngày, tính từ ngày 05/5/2023, ông C có nghĩa vụ nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc trả tiền lãi suất cho ông V và trình bày số tiền gốc vay và lãi suất cụ thể ông C còn nợ lại của ông V. Hết thời hạn trên mà ông C không cung cấp thì Tòa án sẽ tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng đến nay ông C vẫn không cung cấp.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Đặng Thanh T trình bày:

Bà T và ông Nguyễn Văn C là vợ chồng. Bà T đã nhận được thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 05/5/2023. Tuy nhiên do bận đi làm nên bà T đã không thể tham gia được. Đối với các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã công bố thì bà T đã nhận được và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác cho Tòa án. Bà T xác định không có yêu cầu phản tố nào đối với nguyên đơn.

Về nội dung vụ án, bà T trình bày như sau: Bà T không biết việc ông C có vay của ông Nguyễn Xuân V số tiền 220.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tài sản ngày 19/11/2019 được Văn phòng công chứng L công chứng số 11268, quyền số 12TP/CC-SCC/HĐGD và số tiền 100.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tài sản ngày 11/5/2020 được Văn phòng công chứng L công chứng số 3608, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD. Khi ông C ký hợp đồng vay tài sản với ông V thì không có nói cho bà T biết và bà T cũng không biết ông C sử dụng số tiền vay trên vào mục đích gì. Vào thời điểm ngày 19/11/2019, ông C là giám đốc Công ty TNHH MTV dịch vụ du lịch Cát Việt nên việc ông C vay tiền với mục đích kinh doanh là việc của Công ty không liên quan đến bà T. Đối với Hợp đồng vay tài sản vào ngày 11/5/2020 thì mục đích ông C vay được ghi trong hợp đồng là vay để tiêu dùng. Đây là việc cá nhân của ông C nên cũng không liên quan đến bà T. Bên cạnh đó,

mặc dù bà T được biết ông V là bà con của ông C và ông V cũng có vài lần gặp mặt bà T nhưng chỉ đề nhờ gửi hồ sơ cho ông C chứ ông V cũng không có thông báo cho bà T biết về việc ông V có cho ông C vay tiền. Do đó, đối với yêu cầu của ông V yêu cầu bà T liên đới cùng ông C trả số tiền gốc vay là 320.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính là 286.400.000 đồng thì bà T không đồng ý. Do bận phải đi làm nên bà T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà T trong suốt quá trình tố tụng và tại Tòa án các cấp.

** Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:*

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý vụ việc; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Bị đơn vắng mặt đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

2. Về việc giải quyết vụ án dân sự:

- Nguyên đơn ông Ngụy Xuân V yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn C trả số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

- Nguyên đơn ông Ngụy Xuân V tự nguyện rút yêu cầu bị đơn bà Trần Đặng Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả nợ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ.

- Về lãi suất: ghi nhận ông V tự nguyện điều chỉnh mức lãi suất theo Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cụ thể: lãi suất trong hạn 20%/năm; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn và khấu trừ số tiền lãi mà ông C đã đóng cho ông V vượt mức quy định của pháp luật vào tiền vốn vay.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Yêu cầu, kiến nghị khác phục vi phạm: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông Ngụy Xuân V khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn C và bà Trần Đặng Thanh T trả lại số tiền vay theo Hợp đồng vay tài sản được Văn phòng công chứng L công chứng số 11268, quyển số 12TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/11/2019, Hợp đồng vay tài sản được Văn phòng công chứng L công chứng

số 3608, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/5/2020 là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Văn C và bà Trần Đăng Thanh T có nơi cư trú tại xã Tân Trạch, huyện C, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An theo quy định tại Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; bị đơn bà Trần Đăng Thanh T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt ông C, bà T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Hiệu lực của Hợp đồng: Hợp đồng vay tài sản ngày 19/11/2019 giữa ông Ngụy Xuân V và ông Nguyễn Văn C được Văn phòng công chứng L công chứng số 11268, quyền số 12TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/11/2019 và Hợp đồng vay tài sản ngày 11/5/2020 giữa ông Ngụy Xuân V và ông Nguyễn Văn C được Văn phòng công chứng L công chứng số 3608, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/5/2020 được xác lập giữa các chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự; chủ thể hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực giữa các bên.

[2.2] Căn cứ vào “Hợp đồng vay tài sản ngày 19/11/2019 được Văn phòng công chứng L công chứng số 11268, quyền số 12TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/11/2019” giữa ông Ngụy Xuân V và ông Nguyễn Văn C cùng lời khai của các bên đương sự, Hội đồng xét xử xác định: ngày 19/11/2019, ông V và ông C có ký Hợp đồng vay tài sản với số tiền là 220.000.000 đồng nhưng thực tế cả ông V và ông C đều xác nhận số tiền ông V cho ông C vay là 200.000.000 đồng (Bằng chữ: hai trăm triệu đồng). Thời hạn cho vay là 03 tháng kể từ ngày 19/11/2019. Mục đích vay là kinh doanh. Ông V đã giao đủ tiền cho ông C và đến nay ông C chưa trả được tiền gốc cho ông V.

[2.3] Căn cứ vào “Hợp đồng vay tài sản được Văn phòng công chứng L công chứng số 3608, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/5/2020” giữa ông Ngụy Xuân V và ông Nguyễn Văn C cùng lời khai của các bên đương sự, Hội đồng xét xử xác định: ngày 11/5/2020, ông C có vay của Vinh số tiền 100.000.000 đồng (Bằng chữ: một trăm triệu đồng). Thời hạn cho vay là 01 tháng kể từ ngày 11/5/2020. Mục đích vay là vay để tiêu dùng. Ông V đã giao đủ tiền cho ông C và đến nay ông C chưa trả được tiền gốc cho ông V.

[2.4] Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn ông C trình bày ông có trả lãi cho ông V nhưng thời gian trả và số tiền trả bao nhiêu thì ông C không nhớ và ông C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho số tiền lãi đã trả cho ông V. Nguyên đơn ông V trình bày ông C đã trả được cho ông V số tiền lãi như sau: đối với khoản tiền vay 200.000.000 đồng ngày 19/11/2019, ông C đã trả được cho ông V 17 tháng tiền lãi, mỗi tháng 8.000.000 đồng. Tổng cộng là 136.000.000 đồng; đối với khoản tiền vay 100.000.000 đồng ngày 11/5/2020, ông C đã trả được

cho ông V 12 tháng tiền lãi, mỗi tháng 4.000.000 đồng. Tổng cộng, ông C đã trả được cho ông V số tiền lãi là 48.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.5] Về tiền lãi và điều tiết lãi suất: Cả 02 Hợp đồng vay tài sản đều ghi “Do hai bên tự thỏa thuận nhưng không trái với quy định của pháp luật”. Quá trình giải quyết vụ án, ông V và ông C đều thừa nhận lãi suất cho vay các bên thỏa thuận là 04%/tháng, tức là 48%/năm. Ông V thừa nhận mức lãi suất mà các bên thỏa thuận đã vượt quá mức lãi suất quy định của pháp luật nên ông tự nguyện điều chỉnh mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là: lãi suất trong hạn là 20%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ông V đồng ý khấu trừ số tiền lãi mà ông C đã đóng vượt mức quy định của pháp luật vào tiền gốc vay. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận. Căn cứ hướng dẫn tại Điều 5, Điều 9 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, số tiền lãi ông C đã đóng cho ông V được điều chỉnh lại như sau:

[2.5.1] Đối với khoản tiền vay 200.000.000 đồng ngày 19/11/2019: tiền lãi trong hạn ông C phải trả cho ông V là $200.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/12 \times 03 \text{ tháng} = 10.000.000 \text{ đồng}$. Ông C đã trả cho ông V 24.000.000 đồng, số tiền vượt quá là 14.000.000 đồng được trừ vào tiền nợ gốc. Do đó, số tiền nợ gốc mà ông C còn nợ ông V là 186.000.000 đồng. Số tiền nợ gốc này được chuyển nợ gốc quá hạn kể từ ngày 20/02/2020. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (17/11/2023), tiền lãi quá hạn mà ông C phải trả cho ông V là $186.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/12 \times 150\% \times 44 \text{ tháng} 28 \text{ ngày} = 208.940.000 \text{ đồng}$. Ông C đã trả cho ông V 112.000.000 đồng. Do đó, số tiền lãi quá hạn ông C còn nợ ông V là 96.940.000 đồng.

[2.5.2] Đối với khoản tiền vay 100.000.000 đồng ngày 11/5/2020: tiền lãi trong hạn ông C phải trả cho ông V là $100.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/12 \times 01 \text{ tháng} = 1.666.666 \text{ đồng}$. Ông C đã trả cho ông V 4.000.000 đồng, số tiền vượt quá là 2.333.334 đồng được trừ vào tiền nợ gốc. Do đó, số tiền nợ gốc mà ông C còn nợ ông V là 97.666.666 đồng. Số tiền nợ gốc này được chuyển nợ gốc quá hạn kể từ ngày 12/6/2020. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (17/11/2023), tiền lãi quá hạn mà ông C phải trả cho ông V là $97.666.666 \text{ đồng} \times 20\%/12 \times 150\% \times 41 \text{ tháng} 06 \text{ ngày} = 100.596.655 \text{ đồng}$. Ông C đã trả cho ông V 44.000.000 đồng. Do đó, số tiền lãi quá hạn ông C còn nợ ông V là 56.596.655 đồng.

[2.6] Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ trả cho ông Ngụy Xuân V số tiền nợ gốc là 283.666.666 đồng (186.000.000 đồng + 97.666.666 đồng) và tiền lãi quá hạn là 153.536.655 đồng (96.940.000 đồng + 56.596.655 đồng). Tổng cộng là 437.203.321 đồng.

[2.7] Về trách nhiệm liên đới: ngày 15/8/2023, ông Ngụy Xuân V có đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà Trần Đặng Thanh T là vợ của ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm liên đới cùng ông C trả nợ. Xét thấy, việc ông V rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngụy Xuân V về việc yêu cầu bị đơn bà Trần Đặng Thanh T có nghĩa vụ liên đới cùng ông Nguyễn Văn C trả nợ.

[2.8] Đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[2.9] Về án phí: căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho ông Nguyễn Xuân V. Hoàn lại cho ông Nguyễn Xuân V số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 207, 227, 228, 266, 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân V về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn ông Nguyễn Văn C.

1.1. Buộc ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Xuân V số tiền là 437.203.321 đồng (Bằng chữ: bốn trăm ba mươi bảy triệu, hai trăm linh ba nghìn, ba trăm hai mươi một đồng). Trong đó, nợ gốc là 283.666.666 đồng (Bằng chữ: hai trăm tám mươi ba triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng) và nợ lãi quá hạn là 153.536.655 đồng (Bằng chữ: một trăm năm mươi ba triệu, năm trăm ba mươi sáu nghìn, sáu trăm năm mươi lăm đồng).

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn cho đến khi thi hành án xong.

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân V về việc yêu cầu bị đơn bà Trần Đặng Thanh T có nghĩa vụ liên đới cùng ông Nguyễn Văn C trả nợ.

3. Về án phí: buộc ông Nguyễn Văn C phải chịu 21.488.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông Nguyễn Xuân V số tiền tạm ứng án phí là 14.128.000 đồng theo biên lai thu số 0005257 ngày 06/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo bản án sơ thẩm: đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thủy Tiên